TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-11-2018
"V/v: tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đình Phúc, bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đào Quang Khuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1990,
HKTT: thôn Đ, xã C, huyện TL, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đức H, sinh năm 1993,
HKTT: thôn P, xã T, huyện TM, tỉnh HD;

Chị T có mặt, anh H vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Vũ Đức H tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 07-6-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hoà thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do anh H không quan tâm đến chị, ham chơi bời, được 3 ngày anh H đã mang giấy tờ xe mô tô của chị đi cắm lấy tiền đi chơi. Chị tìm hiểu biết anh H là người hay đi "bay", đi "nhảy, chơi bời không có quan tâm đến gia đình vì vậy chị cũng chỉ ở được ba ngày đã bỏ về gia đình đẻ ở, không quay lại nhà anh H, anh H và gia đình cũng không tìm chị, tuy gia đình anh H gọi điện nhưng chị xác định có chung sống với một người như anh H cũng không hạnh phúc nên chị không chấp nhận đoàn tụ. Vì vậy nay chị làm đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: chị và anh H chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung : chị và anh H không đề nghị giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, ông Vũ Đức V và bà Vũ Thị H là bố, mẹ đẻ anh H trình bày:* Anh H và chị T tìm hiểu thời gian ngắn đã kết hôn. Vợ chồng ở với nhau được ba ngày đã mâu thuẫn và chị Thuý đã bỏ về nhà đẻ mà không nói với ông bà, ông bà gọi điện cho gia đình và chị T nhưng chị T xác định không về và nói có chung sống với anh H cũng không có hạnh phúc do xác định anh H ham chơi bời, không quan tâm đến chị T. Anh H làm nghề phụ xe khách tuyến TM - QN, tối đi trưa hôm sau về rồi lại đi chứ cũng không ở nhà, ông bà hỏi chuyện thì anh H nói không thiết tha gì chuyện tìm chị T về đoàn tụ, ông, bà khuyên ngăn nhưng anh H không nghe, việc chị T làm đơn ly hôn, anh H cũng không hợp tác và nói chị T tự giải quyết chứ không đến toà án giải quyết, anh H có mặt khi Toà án giao thông báo thụ lý cũng không ký, các văn bản Toà án giao anh H ông bà đều nhận và giao lại cho anh H nhưng anh H không quan tâm, không chấp hành. Chị T cũng không có liên lạc gì với ông bà, nay chị T xin ly hôn, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Đức H.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.
- Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. **Về tố tụng**: *Bị đơn anh Vũ Đức H nhận Thông báo thụ lý vụ án nhưng không ký biên bản giao nhận, anh nhận các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không hợp tác và chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Toà án đã tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà theo quy định nhưng anh H vẫn vắng mặt vì vậy Toà án tiến hành xét xử vụ án theo các Điều 227, 228 BLTTDS.*

[2]. Về nội dung:

[*2.1*]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 07-6-2018, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn anh chị chung sống không được hạnh phúc, thời gian ở với nhau có ba ngày chị T đã bỏ anh H về nhà đẻ chị ở cho đến nay. Anh H không tìm chị, gia đình điện động viên chị T đoàn tụ cũng không được. Chị T xác định anh H là thanh niên ham chơi bời, không quan tâm cuộc sống gia đình nên cũng không quay lại đoàn tụ với anh H. Hai bên ly thân từ tháng 6/2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Toà án xác minh với Công an, Tư pháp xã T, Trưởng thôn đều

xác định anh H vẫn trú tại thôn P, làm nghề phụ xe khách tối đi trưa hôm sau về, việc mâu thuẫn địa phương không biết. Chị T bỏ về nhà đẻ sau khi tổ chức cưới có ba ngày và không quay lại đoàn tụ với anh H, con chung anh chị không có và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T có đơn ly hôn, anh H thông qua bố mẹ đẻ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến chị T điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa anh H và chị T là không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H.

[*2.2*]. *Về con chung* : Không có.

[*2.3*]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T, anh H không đề nghị nên không xét giải quyết.

[2.4]. *Về án phí*: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Vũ Đức H.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện theo biên lai số AB/2014/0004215 ngày 25-7-2018.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Xuân Thành

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Thanh Miện;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu.*